

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 53/2026/HS-PT  
Ngày: 23 - 4 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Công.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Anh Dũng

Bà Bùi Thị Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 76/2026/HS-PT ngày 20 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo Đỗ Hồng P và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2026/HS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình.

*Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Đỗ Hồng P, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1985 tại thành phố Hà Nội; căn cước công dân số: 001085024321, nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn L (đã chết) và bà Đỗ Thị D; có vợ: Nguyễn Thị Y và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 đến ngày 23/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1984 tại thành phố Hà Nội; căn cước công dân số: 001084006602, nơi cư trú: Số C, ngõ A, đường Đ, tổ dân phố A T, phường T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Lưu Thị H; có vợ: Nguyễn Thị Phương A và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 đến ngày 23/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

đến nay. Có mặt.

3. Phùng Đức V, sinh ngày 30 tháng 3 năm 1977 tại thành phố Hà Nội; căn cước công dân số: 001077036918; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố N, phường T, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: 26LK38, khu đô thị V, thôn H, xã S, thành phố Hà Nội; chức vụ đảng, đoàn thể: **Đảng viên Đ1 (đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng)**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Đắc T1 và bà Nguyễn Thị K; có vợ: Vũ Tiểu Y1 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 đến ngày 23/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

4. Dương Việt H1, sinh ngày 04 tháng 9 năm 1985 tại thành phố Hà Nội; căn cước công dân số: 001085034093, nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội; chức vụ đảng, đoàn thể: **Đảng viên Đ1 (đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng)**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Mạnh T2 và bà Nguyễn Thị H2; có vợ: Nguyễn Thanh H3 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 đến ngày 23/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

5. Bạch Đăng D1, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1965 tại thành phố Hà Nội; căn cước công dân số: 001065000269, nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bạch Đăng T3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K1; có vợ: Nguyễn Thu H4 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 đến ngày 23/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

6. Đỗ Ngọc T4, sinh ngày 15 tháng 03 năm 1986 tại tỉnh Thanh Hoá; căn cước công dân số: 038086008794; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố N, phường H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Ngọc P1 và bà Nguyễn Thị T5; có vợ: **Nguyễn Thị Y và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017**; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/02/2012, Công an huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (chấp hành xong ngày 30/02/2012). Ngày 05/6/2015, Công an quận B, thành phố Hà Nội xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (chấp hành xong ngày 29/6/2015); bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 đến ngày 23/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

7. Dương Văn C1, sinh ngày 04 tháng 9 năm 1985 tại tỉnh Thái Nguyên; căn cước công dân số: 019085001415; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố A, phường T, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số nhà A, ngách E M, phường T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn D2 và bà Quan Thị H5; có vợ: Nguyễn Thị N và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 đến ngày 23/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

8. Vũ Tiến D3, sinh ngày 16 tháng 02 năm 1985 tại tỉnh Thái Nguyên; căn cước công dân số: 019085000326, nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố B, phường X, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số A ngõ B, đường P, phường X, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn D4 và bà Ngô Thị L1; có vợ Nguyễn Thu N1 và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 đến ngày 23/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

9. Nguyễn Công T6, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1986 tại thành phố Hà Nội; căn cước công dân số: 034086002975, nơi cư trú: Tổ dân phố số C P, phường T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công L2 và bà Vũ Thị T7; có vợ: Nguyễn Thị H6 và 03 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 đến ngày 23/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

10. Trần Ngọc T8, sinh ngày 11 tháng 05 năm 1981 tại thành phố Hà Nội; căn cước công dân số: 001081036123, nơi cư trú: Số nhà A, cụm B, xã Đ, thành phố Hà Nội; chức vụ đảng, đoàn thể: **Đảng viên Đ1 (đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng)**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân L3 và bà Nguyễn Thị T9 (đều đã chết); có vợ: Phí Thị Vân A1 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 đến ngày 23/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

11. Nguyễn Tuấn A2, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1987 tại thành phố Hà Nội; căn cước công dân số: 001087028364, nơi cư trú: Tổ dân phố số F P, phường T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D5 và bà Nghiêm Thị H7; có vợ: Nguyễn Thị L4 và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 đến ngày 23/9/2025 được thay đổi biện pháp

ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

12. Trần Minh Đ, sinh ngày 21 tháng 03 năm 1984 tại thành phố Hà Nội; căn cước công dân số: 001084069137, nơi cư trú: 1B Tập thể nhà máy N3, phường H, thành phố Hà Nội; chức vụ đảng, đoàn thể: **Đảng viên Đ1 (đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng)**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh C2 và bà Trần Thị H8; có vợ Phạm Bích N2 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 đến ngày 23/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

*Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn T và Bạch Đăng D1:* Bà Trần Thị Thu P2 - Luật sư Công ty L5 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Phùng Đức V:* Ông Vũ Minh T10 và bà Đinh Cẩm T11 - Luật sư Công ty L6 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Đều có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh Đ:* Ông Chu Đình H9 - Luật sư Công ty L7 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Dương Việt H1:* Bà Lương Thị T12 - Luật sư Văn phòng L8 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

*Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:*

1. Trần Minh T13, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số nhà A, ngõ H đường H, phường H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Nguyễn Hữu V1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố số D, M, phường T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Lê Văn T14, sinh năm 1979; nơi cư trú: Chung cư F, phường Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Nguyễn Trọng T15, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn D, xã S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

*Người chứng kiến:* Anh Lê Quý H10, sinh năm 1980 và anh Nguyễn Mạnh T16, sinh năm 2005. Đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, Lê Văn T14, Nguyễn Hữu V1, Bạch Đăng D1, Nguyễn Trọng T15, Đỗ Hồng P, Phùng Đức V, Dương Việt H1, Đỗ Ngọc T4, Trần Ngọc T8, Nguyễn Công T6, Vũ Tiến D3, Dương Văn C1, Trần Minh T13, Trần Minh Đ, Nguyễn Tuấn A2 đều là nhân viên của Công ty Đ2 thuộc Tổng công ty Điện lực thành phố H được công ty tổ chức cho đi du lịch nghỉ dưỡng tại tỉnh Ninh Bình và thuê lưu trú tại khách sạn H11, phố K, phường H, tỉnh Ninh Bình từ ngày 12/9/2025 đến ngày 14/9/2025.

Tối ngày 13/9/2025, trong khi ăn tối tại nhà hàng B, phường H, tỉnh Ninh Bình; Nguyễn Văn T có rủ Bạch Đăng D1, Lê Văn T14, Nguyễn Hữu V1 “Ăn tối xong anh em mình về phòng làm tý”; D1, T14 và V1 hiểu ý T rủ đánh bạc được thua bằng tiền nên đồng ý. Khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, cả nhóm về phòng 219 Khách sạn H11 là phòng của T, tại đây T lấy 01 bộ bài chắn 100 quân mua trên đường về khách sạn và lấy một đĩa sứ có sẵn trong phòng để sử dụng đánh bạc. Cả nhóm thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh “Chắn” được thua bằng tiền như sau: Mỗi ván chơi gồm 4 người tham gia; khi bắt đầu chơi ván đầu tiên, các đối tượng bốc bài để xem ai cao điểm nhất thì làm “cái” và chia bài, người làm cái chia mỗi người 19 quân, riêng người cầm cái thì được thêm một quân thành 20 quân; khi bắt đầu, đánh bài theo ngược chiều kim đồng hồ, người cầm cái đánh trước, ai ăn quân đó thì sẽ thêm vào bài của mình còn không thì sẽ bốc “nọc” và tiếp tục đánh cho đến khi có người “Ù” hoặc không ai “Ù” thì ván bài hoà và bắt đầu chơi ván mới, ai “Ù” sẽ chia bài và bốc cái để đánh ván sau, chỉ được ăn nếu tạo “Chắn” hoặc “Cạ”, nếu có thể ăn bằng “Chắn” thì phải ăn “Chắn” không được bỏ để ăn “Cạ”, ăn rồi phải đánh ra 1 quân khác. “Chắn” là 2 quân giống hệt nhau, “Cạ” là 2 quân khác nhau nhưng cùng hàng có chữ số giống nhau và cùng chất, “Ù” là kết thúc ván bài khi người chơi có đủ các tổ hợp 05 “Chắn” và 04 “Cạ” đúng quy định. Đồng thời thỏa thuận tiền thắng thua mỗi ván tính như sau: Tiền thắng được tính theo mức “Xuông 6, dịch 2” nghĩa là “Ù xuông” thì 03 người còn lại sẽ phải trả cho người “Ù” mỗi người 60.000 đồng, “Dịch 20.000 đồng” nếu “Ù” có điểm thì sẽ nhân điểm đó với 20.000 đồng khi không phải “Ù xuông”; cửa “Chi” đóng thêm 20.000 đồng, “Tôm” đóng thêm 20.000 đồng, “Lèo” đóng thêm 20.000 đồng cho người thắng; ngoài ra mỗi ‘cước’ được tính thêm 20.000 đồng, cụ thể: ‘Ù’ Bạch thủ (01 cước) thì số tiền thắng là 80.000 đồng; ‘Ù’ Bạch thủ Chi Tám đỏ (02 cước) thì số tiền thắng là 100.000 đồng; ‘Ù’ Kính tứ Chi (03 cước) thì số tiền thắng là 120.000 đồng.

Trước khi đánh bạc bằng hình thức “Chắn”, Nguyễn Văn T mang đi số tiền 7.200.000 đồng, Bạch Đăng D1 mang đi số tiền 19.000.000 đồng, Nguyễn Hữu V1 mang đi số tiền 6.800.000 đồng, Lê Văn T14 mang đi số tiền 3.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Lúc này, Nguyễn Trọng T15, Dương Việt H1, Đỗ Ngọc T4, Trần Ngọc T8, Nguyễn Công T6, Vũ Tiến D3, Dương Văn C1 ngồi xem Nguyễn Văn T, Bạch Đăng D1, Nguyễn Hữu V1 và Lê Văn T14 đánh bạc.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Đỗ Hồng P vào phòng 217 rủ Phùng Đức V sang phòng 219 đánh bạc, V đồng ý đi cùng P. P vào phòng thấy đông người đang ngồi xem Nguyễn Văn T, Bạch Đăng D1, Nguyễn Hữu V1, Lê Văn T14 đánh “Chắn”, P liền rủ Dương Việt H1, Đỗ Ngọc T4, Trần Ngọc T8, Nguyễn Công T6, Vũ Tiến D3, Dương Văn C1 đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa”, cả nhóm đồng ý. Phùng Đức V về phòng 217 dùng kéo cắt 04 “quân vị” hình tròn, đường kính 02 cm từ bao thuốc lá “Vinataba” mang sang phòng 219. Tại phòng 219, Phùng Đức V lấy một bộ

bát sứ, đĩa sứ có sẵn trong phòng khách sạn và 04 quân vị để sử dụng đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa” được thua bằng tiền. Lúc này, Nguyễn Tuấn A2 đi vào phòng 219 thấy mọi người chuẩn bị đánh “Xóc đĩa” nên cũng vào ngồi đánh bạc cùng. Cả nhóm thống nhất cách thức đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa” như sau: Khi bắt đầu ván chơi, Dương Việt H1 là người “xóc cái” cũng là người “cầm cái” cho 04 quân vị vào đĩa sau đó úp chiếc bát vào, dùng hai tay đưa lên xóc đều các quân vị, sau đó đặt xuống chiếu bạc để các đối tượng đặt tiền đánh bạc theo các cửa chẵn hoặc lẻ tùy ý. Việc đặt tiền trong mỗi ván bạc cả nhóm quy ước đặt thấp nhất là 100.000 đồng, đặt cao nhất là 1.000.000 đồng, sau khi người chơi không còn đặt cược và mua bán thừa thiếu tiền cược thì người “cầm cái” mở bát để phân định thắng thua. Khi mở bát, nếu có 04 quân vị cùng màu hoặc có 02 quân vị cùng màu và 02 quân vị khác màu thì các đối tượng đặt “cửa chẵn” thắng và người đặt cược “cửa lẻ” thua; Nếu trong đĩa có 03 quân vị cùng màu và 01 quân vị khác màu thì các đối tượng đặt “cửa lẻ” thắng và người đặt cược “cửa chẵn” thua, người đặt cược thắng thì được trả thưởng số tiền tương ứng với số tiền đã bỏ ra đặt cược, còn nếu thua sẽ bị thua mất số tiền đã đặt cược. Người “cầm cái” là người thu tiền bên mặt thua trả tiền cho bên mặt thắng, nếu thiếu tiền thì người cầm cái bỏ tiền của mình ra bù, nếu thừa tiền thì người “cầm cái” được hưởng. Ngoài ra mỗi ván còn thực hiện việc mua bán có nghĩa là nếu người chơi dự tính về mặt nào (Chẵn hoặc lẻ) thì sẽ bán mặt đó với số tiền nhất định, khi mở bát về mặt trùng với mặt (Chẵn hoặc lẻ) người bán đã rao bán thì người mua thua phải trả cho người bán số tiền đã mua, nếu về mặt khác với mặt người bán rao bán thì người mua thắng, người bán phải trả cho người mua số tiền mình đã bán. Lúc này, Nguyễn Trọng T15 ngồi xem chưa tham gia đánh bạc. Sau đó, Trần Minh T13 và Trần Minh Đ vào phòng 219 tham gia đánh “Xóc đĩa” cùng nhóm.

Trước khi đánh bạc bằng hình thức đánh “Xóc đĩa”, Đỗ Hồng P mang đi 8.300.000 đồng, Phùng Đức V mang đi 7.500.000 đồng, Dương Việt H1 mang đi 6.000.000 đồng, Đỗ Ngọc T4 mang đi 5.300.000 đồng, Trần Ngọc T8 mang đi 4.100.000 đồng, Nguyễn Công T6 mang đi 6.000.000 đồng, Vũ Tiến D3 mang đi 6.000.000 đồng, Dương Văn C1 mang đi 6.500.000 đồng, Trần Minh T13 mang đi 300.000 đồng, Trần Minh Đ mang đi 400.000 đồng sử dụng để đánh bạc, riêng Nguyễn Tuấn A2 mang đi số tiền 4.500.000 đồng nhưng chỉ sử dụng số tiền 600.000 đồng để đánh bạc còn số tiền 3.900.000 đồng còn lại Tuấn A2 cất trong người không sử dụng vào việc đánh bạc. Các đối tượng tham gia đánh bạc trên hai chiếu bạc tại phòng 219 khách sạn H11, đến khoảng 22 giờ 30 phút, Bạch Đăng D1 đánh “Chẵn” bị thua số tiền 200.000 đồng nên nhờ Nguyễn Trọng T15 vào thay để D1 sang đánh “Xóc đĩa”, Nguyễn Trọng T15 đồng ý vào chơi và sử dụng số tiền 220.000 đồng cùng với 16.500.000 đồng trong ví mà D1 để lại để tham gia đánh bạc, còn D1 cầm số tiền 2.080.000 đồng sang chiếu bên cạnh để đánh “Xóc đĩa”.

Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Tổ công

tác Phòng C3 Công an tỉnh N phối hợp cùng Công an phường H, tỉnh Ninh Bình phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại 2 chiếu bạc “Chấn” và “Xóc đĩa” tại phòng 219 khách sạn H11 như sau: Tại chiếu bạc Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu V1, Nguyễn Trọng T15, Lê Văn T14 đánh bạc dưới hình thức đánh “Chấn” thu giữ tổng số tiền là 33.920.000 đồng trong đó: số tiền 10.220.000 đồng thu giữ dưới chiếu trước mặt bốn đối tượng đang sử dụng đánh bạc; số tiền 16.500.000 đồng thu giữ trong ví da màu đen, để trước mặt Nguyễn Trọng T15; số tiền 4.500.000 đồng thu giữ trong túi quần trước bên trái của Nguyễn Hữu V1, số tiền 2.700.000 đồng thu giữ trong ví da màu nâu đang để trước mặt Lê Văn T14; ngoài ra thu giữ trên chiếu 01 đĩa sứ, 01 bộ bài “Chấn” 100 quân chất liệu giấy. Tại chiếu bạc Đỗ Hồng P, Phùng Đức V, Nguyễn Công T6, Trần Ngọc T8, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Bạch Đăng D1, Đỗ Ngọc T4, Trần Minh Đ, Trần Minh T13, Nguyễn Tuấn A2 đánh bạc dưới hình thức đánh “Xóc đĩa” thu giữ tổng số tiền là **56.980.000 đồng**, trong đó: Số tiền 6.700.000 đồng thu giữ giữa chiếu nơi các đối tượng đánh bạc; số tiền 11.280.000 đồng thu giữ của Đỗ Hồng P đang cất giấu trong người; số tiền 5.100.000 đồng thu giữ của Phùng Đức V đang để trước mặt; số tiền 4.000.000 đồng thu giữ của Dương Việt H1 đang để trước mặt; số tiền 3.000.000 đồng thu giữ của Đỗ Ngọc T4 đang để trước mặt; số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Trần Ngọc T8 đang để trước mặt; số tiền 1.800.000 đồng thu giữ trước mặt và số tiền 3.300.000 đồng trong người của Nguyễn Công T6; số tiền 3.000.000 đồng thu giữ của Vũ Tiến D3 đang để trước mặt; số tiền 6.500.000 đồng trước mặt và 4.500.000 đồng trong người thu giữ của Dương Văn C1; số tiền là 2.300.000 đồng thu giữ của Bạch Đăng D1; số tiền là 4.500.000 đồng thu giữ trong người của Nguyễn Tuấn A2; ngoài ra thu giữ trên chiếu 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn, chất liệu giấy được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba; Phùng Đức V giao nộp 01 kéo sắt, chuỗi kéo màu xanh, có chiều dài 12cm.

Quá trình điều tra xác định, trong quá trình đánh bạc bằng hình thức đánh “Chấn” Nguyễn Văn T sử dụng số tiền 7.200.000 đồng, Bạch Đăng D1 sử dụng số tiền 16.700.000 đồng, Nguyễn Hữu V1 sử dụng số tiền 6.800.000 đồng, Lê Văn T14 sử dụng số tiền 3.000.000 đồng, Nguyễn Trọng T15 sử dụng số tiền 220.000 đồng vào mục đích đánh bạc, như vậy, tổng số tiền các bị cáo Nguyễn Văn T, Bạch Đăng D1, Nguyễn Hữu V1, Lê Văn T14 và Nguyễn Trọng T15 sử dụng vào mục đích đánh bạc bằng hình thức đánh “Chấn” là **33.920.000 đồng**. Trong quá trình đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa”, Đỗ Hồng P sử dụng số tiền 8.300.000 đồng, Phùng Đức V sử dụng số tiền 7.500.000 đồng, Đỗ Ngọc T4 sử dụng số tiền 5.300.000 đồng, Dương Việt H1 sử dụng số tiền 6.000.000 đồng, Dương Văn C1 sử dụng số tiền 6.500.000 đồng, Vũ Tiến D3 sử dụng số tiền 6.000.000 đồng, Nguyễn Công T6 sử dụng số tiền 6.000.000 đồng, Trần Ngọc T8 sử dụng số tiền 4.100.000 đồng, Bạch Đăng D1 sử dụng số tiền 2.080.000 đồng, Nguyễn Tuấn A2 sử dụng số tiền 600.000 đồng, Trần Minh Đ sử dụng số tiền 400.000 đồng, Trần Minh T13 sử dụng số tiền 300.000 đồng, như

vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc bằng hình thức đánh “Xóc đĩa” là 53.080.000 đồng.

Bản cáo trạng số 42/CT-VKS-KV1 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Hồng P, Phùng Đức V, Đỗ Ngọc T4, Bạch Đăng D1, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Trần Ngọc T8, Nguyễn Tuấn A2, Trần Minh Đ, Trần Minh T13, Nguyễn Hữu V1, Lê Văn T14, Nguyễn Trọng T15 về tội “Đánh bạc”, trong đó áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu V1, Lê Văn T14, Nguyễn Trọng T15. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Hồng P, Bạch Đăng D1, Đỗ Ngọc T4, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Trần Minh Đ, Dương Văn C1, Nguyễn Tuấn A2, Dương Việt H1, Trần Ngọc T8, Phùng Đức V, Trần Minh T13.

Với nội dung vụ án nêu trên, Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Hồng P, Đỗ Ngọc T4, Phùng Đức V, Bạch Đăng D1, Trần Ngọc T8, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Trần Minh Đ. Áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phùng Đức V, Bạch Đăng D1, Trần Ngọc T8. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Nguyễn Tuấn A2. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Minh T13; Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T; Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu V1, Lê Văn T14. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn T14. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng T15. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Hồng P, Nguyễn Văn T, Phùng Đức V, Đỗ Ngọc T4, Bạch Đăng D1, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Trần Ngọc T8, Nguyễn Tuấn A2, Trần Minh Đ, Trần Minh T13, Nguyễn Hữu V1, Lê Văn T14, Nguyễn Trọng T15 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt các bị cáo Đỗ Hồng P, Đỗ Ngọc T4 mỗi bị cáo 03 (Ba) năm 03 (Ba)

tháng tù, được trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ bằng 09 (Chín) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt tiền bổ sung 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

- Xử phạt các bị cáo Phùng Đức V, Dương Việt H1, Bạch Đăng D1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Trần Ngọc T8, Nguyễn Tuấn A2, Trần Minh Đ mỗi bị cáo 03 (Ba) năm tù, được trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ bằng 09 (Chín) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt tiền bổ sung 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) tháng tù, được trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ bằng 09 (Chín) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt tiền bổ sung 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Trần Minh T13 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án (11/02/2026). Phạt tiền bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

- Xử phạt các bị cáo Nguyễn Hữu V1, Lê Văn T14 mỗi bị cáo 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T15 số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm thi hành án treo, về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/02/2026, các bị cáo Đỗ Hồng P, Đỗ Ngọc T4, Nguyễn Văn T, Phùng Đức V, Bạch Đăng D1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Nguyễn Tuấn A2, Trần Minh Đ, Dương Việt H1 và Trần Ngọc T8 đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Đỗ Hồng P và bị cáo Đỗ Ngọc T4; chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Phùng Đức V, Bạch Đăng D1, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Trần Ngọc T8, Nguyễn Tuấn A2, Trần Minh Đ, Nguyễn Văn T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình về phần hình phạt, biện pháp chấp hành hình phạt.

2. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo Đỗ Hồng P, Đỗ Ngọc T4, Phùng Đức V, Bạch Đăng D1, Trần Ngọc T8, Dương Việt H1, Dương

Văn C1, Trần Minh Đ, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Nguyễn Tuấn A2. Áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đỗ Ngọc T4, Nguyễn Công T6, Phùng Đức V, Bạch Đăng D1, Trần Ngọc T8. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

3. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Hồng P, Phùng Đức V, Đỗ Ngọc T4, Bạch Đăng D1, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Trần Ngọc T8, Nguyễn Tuấn A2, Trần Minh Đ và Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

4. Về hình phạt:

4.1. Xử phạt bị cáo Đỗ Hồng P, Phùng Đức V, Đỗ Ngọc T4, Bạch Đăng D1, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Trần Ngọc T8, Nguyễn Tuấn A2, Trần Minh Đ mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 23/4/2026.

4.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 23/4/2026.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Người bào chữa của các bị cáo và tất cả các bị cáo có kháng cáo đều có quan điểm: Nhất trí với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ Hồng P, Nguyễn Văn T, Phùng Đức V, Đỗ Ngọc T4, Bạch Đăng D1, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Trần Ngọc T8, Nguyễn Tuấn A2, Trần Minh Đ là hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xác định. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến của hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ 15 phút đến 23 giờ 45 phút ngày 13/09/2025 tại phòng 219 khách sạn H11, phố K, phường H, tỉnh Ninh Bình: Nguyễn Văn T, Bạch Đăng D1, Nguyễn Hữu V1, Lê Văn T14 và Nguyễn Trọng

T15 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “Chấn” được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 33.920.000 đồng; Đỗ Hồng P, Phùng Đức V, Đỗ Ngọc T4, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Trần Ngọc T8, Bạch Đăng D1, Nguyễn Tuấn A2, Trần Minh Đ, Trần Minh T13 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “Xóc đĩa” được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 53.080.000 đồng bị phát hiện bắt quả tang. Như vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2026/HS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình đã quyết định tuyên bố các bị cáo Đỗ Hồng P, Phùng Đức V, Đỗ Ngọc T4, Bạch Đăng D1, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Trần Ngọc T8, Nguyễn Tuấn A2, Trần Minh Đ phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo có trong hồ sơ tại giai đoạn sơ thẩm đó là: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phùng Đức V được Tổng công ty điện lực thành phố H tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua do có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác; có mẹ đẻ được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, bố đẻ được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Bị cáo Bạch Đăng Du được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, Bộ trưởng Bộ C4 tặng kỷ niệm chương vì sự phát triển ngành công thương Việt Nam. Bị cáo Dương Việt H1 được Đảng uỷ Tổng công ty điện lực thành phố H tặng giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023, Công đoàn Tổng công ty điện lực thành phố H chứng nhận đạt danh hiệu an toàn vệ sinh viên tiêu biểu năm 2025, Hội D6 ban chấp hành Liên chi hội Chân T17 tặng giấy khen do có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá, tham gia công tác từ thiện giúp đỡ đồng bào có hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo Đỗ Ngọc T4 có bố vợ (ông Nguyễn Văn S) là người có công với cách mạng, đã từng chiến đấu, công tác tại chiến trường Trị Thiên, được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba, Chủ tịch UBND tỉnh Q tặng Chiến sỹ bảo vệ thành cổ Quảng Trị, Ban liên lạc cựu chiến binh MTB5-Đ9 tặng kỷ niệm chương tham gia chiến đấu ở MTB5-Đ9. Bị cáo Trần Minh Đ được Đảng uỷ Tổng công ty điện lực thành phố H tặng giấy khen đạt đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Ban chấp

hành đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành phố Hà Nội tặng bằng khen đã có thành tích trong công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi thủ đô; Ban chấp hành công đoàn Tổng công ty điện lực thành phố H tặng giấy khen có thành tích trong phong trào thi đua và hoạt động công đoàn năm 2011, 2012; ngoài ra bị cáo tích cực tham gia phong trào hiến máu tình nguyện, phong trào thiện nguyện vì cộng đồng. Bị cáo Dương Văn C1 có bố đẻ được Chủ tịch UBND xã T, Đảng bộ xã T tặng giấy khen, Ban chấp hành trung ương tặng huy hiệu 30 năm tuổi đảng, bị cáo được Ban chấp hành công đoàn Tổng công ty tặng giấy khen do có thành tích xuất sắc. Bị cáo Đỗ Hồng P có bố đẻ được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, Hội đồng bộ trưởng tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, mẹ đẻ được tặng Bằng khen có thành tích trong phong trào thi đua quyết thắng. Bị cáo Trần Ngọc T8 được Tập đoàn Đ3 tặng Bằng khen do có thành tích xuất sắc trong công tác, có mẹ đẻ được Bộ N4 vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn. Vì vậy bị cáo Nguyễn Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Nguyễn Tuấn A2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Phùng Đức V, Bạch Đăng D1, Trần Ngọc T8, Đỗ Hồng P, Đỗ Ngọc T4, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Trần Minh Đ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Phùng Đức V, Bạch Đăng D1, Trần Ngọc T8 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.2] Tại cấp phúc thẩm tất cả các bị cáo có kháng cáo đã nộp thêm các tài liệu, chứng cứ mới để được xem xét đánh giá là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới gồm: Tất cả các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; đều đã tự nguyện thi hành án, nộp toàn bộ số tiền là hình phạt bổ sung và án phí sơ thẩm. Bị cáo **Đỗ Ngọc T4** có con nhỏ bị khuyết tật nhẹ, trong quá trình công tác đạt danh hiệu “Người lao động điển hình”, được tặng “Giấy khen”. Bị cáo **Nguyễn Văn T** có bác ruột là Liệt sỹ, hiện bị cáo đang nuôi dưỡng chăm sóc con Liệt sỹ; trong quá trình công tác nhiều năm liền đạt danh hiệu thi đua “Lao động tiên tiến”. Bị cáo **Bạch Đăng Du** có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, có mẹ đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; có vợ đạt thành tích xuất sắc trong công tác; bị cáo tham gia công tác thiện nguyện hỗ trợ viện phí cho 02 bệnh nhi có hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo **Trần Ngọc T8** có 03 con nhỏ đều dưới 15 tuổi; có bố mẹ đẻ được tặng thưởng “Bảng vàng danh dự”; trong quá trình công tác đạt danh hiệu “Người lao động điển hình”. Bị cáo **Nguyễn Tuấn A2** trong quá trình công tác được tặng thưởng “Giấy khen”. Bị cáo **Nguyễn Công T6 có 03 con nhỏ đều dưới 15 tuổi**; có bố vợ được tặng thưởng “Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba”, “Huy chương kháng chiến hạng Nhì”, “Bằng khen” và nhiều “Giấy khen”; trong quá trình công tác bị cáo đạt danh hiệu “Người

lao động ngành điện tiêu biểu năm 2023”. Bị cáo **Dương Việt H1** có thời gian tham gia quân đội; có mẹ đẻ được tặng "Bằng khen"; có vợ được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và nhiều "Giấy khen". Bị cáo **Dương Văn C1** có ông nội là người có công với cách mạng, bị cáo nhiều năm đạt danh hiệu thi đua "Lao động tiên tiến". Bị cáo **Trần Minh Đ** có bố đẻ được tặng "Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển điện lực Việt Nam"; có bác ruột vợ là Liệt sĩ, được tặng thưởng "Huân chương kháng chiến hạng Nhất". Do đó các bị cáo Nguyễn Công T6 và Đỗ Ngọc T4 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo khác đều được Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo vì có thêm các tình tiết mới.

[3.3] Qua diễn biến của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo là những người công nhân với suy nghĩ giản đơn coi đánh bạc là hình thức giải trí khi được cơ quan cho đi du lịch, nghỉ dưỡng xa nhà nên tự nguyện rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi "Chắn" và chơi "Xóc đĩa". Hành vi của các bị cáo là bột phát nhất thời, có đồng phạm nhưng tính chất đồng phạm giản đơn. Sau khi bị cấp sơ thẩm tuyên án tất cả 12 bị cáo đều đã tự nguyện nộp toàn bộ hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và án phí sơ thẩm. Điều đó thể hiện các bị cáo đã tự nhận thức được hành vi sai trái của bản thân và đã hối hận, quyết tâm sửa chữa sai lầm. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên án đối với Đỗ Hồng P và Đỗ Ngọc T4 từ 39 tháng tù xuống 36 tháng tù. Nhận thấy tất cả các bị cáo có kháng cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; đều có nơi cư trú rõ ràng; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội. Để đảm bảo nguyên tắc công bằng, nhân đạo của chính sách pháp luật của nhà nước, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của tất cả các bị cáo cho các bị cáo được hưởng án treo. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo **Đỗ Hồng P** và bị cáo **Đỗ Ngọc T4**; chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo **Phùng Đức V, Bạch Đăng D1, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Trần Ngọc T8, Nguyễn Tuấn A2, Trần Minh Đ, Nguyễn Văn T**; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình về phần hình phạt, biện pháp chấp hành hình phạt.

2. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo **Đỗ Hồng P, Đỗ Ngọc T4, Phùng Đức V, Bạch Đăng D1, Trần Ngọc T8, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Trần Minh Đ, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Nguyễn Tuấn A2**. Áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **Đỗ Ngọc T4, Nguyễn Công T6, Phùng Đức V, Bạch Đăng D1, Trần Ngọc T8**. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Văn T**.

3. Tuyên bố các bị cáo **Đỗ Hồng P, Phùng Đức V, Đỗ Ngọc T4, Bạch Đăng D1, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Trần Ngọc T8, Nguyễn Tuấn A2, Trần Minh Đ** và **Nguyễn Văn T** phạm tội “Đánh bạc”.

4. Về hình phạt:

4.1. Xử phạt bị cáo **Đỗ Hồng P, Phùng Đức V, Đỗ Ngọc T4, Bạch Đăng D1, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Trần Ngọc T8, Nguyễn Tuấn A2, Trần Minh Đ** mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 23/4/2026. (các bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 đến ngày 23/9/2025)

4.2. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 23/4/2026. (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 đến ngày 23/9/2025)

5. Giao các bị cáo **Đỗ Hồng P, Dương Việt H1** cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Giao các bị cáo **Nguyễn Văn T, Dương Văn C1, Nguyễn Công T6, Nguyễn Tuấn A2** cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

7. Giao bị cáo **Phùng Đức V** cho Ủy ban nhân dân xã S, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

8. Giao bị cáo **Bạch Đăng D1** cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

9. Giao bị cáo **Vũ Tiến D3** cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Hà Nội

giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

10. Giao bị cáo Nguyễn Ngọc T18 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

11. Giao bị cáo Trần Minh Đ cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

12. Giao bị cáo Đỗ Ngọc T4 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

13. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật hành án hình sự.

14. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Đỗ Hồng P, Nguyễn Văn T, Phùng Đức V, Đỗ Ngọc T4, Bạch Đăng D1, Dương Việt H1, Dương Văn C1, Vũ Tiến D3, Nguyễn Công T6, Trần Ngọc T8, Nguyễn Tuấn A2, Trần Minh Đ không phải nộp.

15. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND - CA tỉnh Ninh Bình;
- TAND - VKSND khu vực 1
- THA dân sự tỉnh Ninh Bình;
- TAND khu vực 1 - Ninh Bình;
- UBND phường Đông Ngạc, Hà Nội;
- UBND phường Từ Liêm, Hà Nội;
- UBND phường Xuân Phương, Hà Nội;
- UBND phường Đại Mỗ, Hà Nội;
- UNND phường Hồng Hà, Hà Nội;
- UBND phường Tây Tựu, Hà Nội;
- UBND xã Sơn Đồng, Hà Nội;
- UBND xã Đan Phượng, Hà Nội;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thành Công**